KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2012/QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 1002/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn cụ thể của từng ngạch Kiểm toán viên nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2009/QĐ-KTNN ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn kiểm toán nhà nước, các thành viên của Đoàn kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đinh Tiến Dũng

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2012/QĐ-KTNN ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước (sau đây gọi là Đoàn kiểm toán) quy định về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán, mối quan hệ công tác, lề lối làm việc, khen thưởng, kỷ luật đối với Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, các thành viên Đoàn kiểm toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Đoàn kiểm toán được thành lập theo quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn kiểm toán

1. Đoàn kiểm toán hoạt động theo chế độ thủ trưởng.

2. Khi tiến hành kiểm toán, các thành viên của Đoàn kiểm toán phải tuân thủ Luật Kiểm toán nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, hệ thống chuẩn mực, quy trình và các phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán, các quy định của Quy chế này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm toán đã thực hiện.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thành lập và giải thể Đoàn kiểm toán

1. Đoàn kiểm toán được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

2. Đoàn kiểm toán tự giải thể sau khi phát hành Báo cáo kiểm toán nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tham gia xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán.

Trước khi giải thể, Đoàn kiểm toán phải tổ chức họp rút kinh nghiệm, nhận xét, đánh giá các Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán; gửi bản đánh giá thành viên Đoàn kiểm toán cho các đơn vị có thành viên tham gia Đoàn kiểm toán để phục vụ công tác quản lý, đánh giá công chức và bình xét thi đua hàng năm.

Điều 5. Thành phần Đoàn kiểm toán

1. Đoàn kiểm toán gồm có Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, các Tổ trưởng, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định danh sách các thành viên của Đoàn kiểm toán và chỉ định Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

2. Không bố trí các thành viên trong cùng 01 Tổ kiểm toán ở 02 Đoàn kiểm toán liên tiếp.

3. Để bảo đảm năng lực, hiệu quả hoạt động kiểm toán, mỗi Tổ kiểm toán phải có ít nhất 02 thành viên là Kiểm toán viên trở lên.

Điều 6. Tiêu chuẩn Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán

1. Tiêu chuẩn chung Kiểm toán viên nhà nước

Kiểm toán viên nhà nước phải có đủ các tiêu chuẩn của công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kiểm toán, kế toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật hoặc chuyên ngành khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm toán;

c) Đã có thời gian làm việc liên tục từ 05 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm nghiệp vụ kiểm toán ở Kiểm toán Nhà nước từ 03 năm trở lên;

d) Đã tốt nghiệp chương trình bồi dưỡng Kiểm toán viên nhà nước và được Tổng Kiểm toán Nhà nước cấp chứng chỉ.

2. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn kiểm toán

Bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có đủ trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác phù hợp với nhiệm vụ được giao;

b) Đã có thời gian làm việc liên tục từ 09 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm Kiểm toán viên ở Kiểm toán Nhà nước từ 07 năm trở lên;

c) Là Kiểm toán viên chính hoặc giữ các chức danh từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên;

d) Trường hợp đặc biệt do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

3. Tiêu chuẩn của Tổ trưởng Tổ kiểm toán

Bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, điểm a, c, d khoản 2 Điều này và đã có thời gian làm việc liên tục từ 07 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm Kiểm toán viên ở Kiểm toán Nhà nước từ 03 năm trở lên.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán

1. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với Đoàn kiểm toán và các thành viên Đoàn kiểm toán theo quy định tại Điều 12 Luật Kiểm toán nhà nước:

a) Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đơn vị được kiểm toán;

b) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm toán;

c) Nhận hối lộ dưới mọi hình thức;

d) Báo cáo sai lệch, không đầy đủ kết quả kiểm toán;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi;

e) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp của đơn vị được kiểm toán;

g) Tiết lộ thông tin về tình hình và kết quả kiểm toán chưa được công bố chính thức;

h) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước, Quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên Nhà nước và các quy định khác của Kiểm toán Nhà nước.

3. Không tuân thủ quy trình, chuẩn mực, hồ sơ mẫu biểu, phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán.

4. Không thực hiện đúng kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.

Điều 8. Trường hợp Kiểm toán viên nhà nước không được thực hiện kiểm toán

1. Các trường hợp theo quy định tại Điều 31 Luật Kiểm toán nhà nước:

a) Góp vốn, mua cổ phần hoặc có quan hệ khác về lợi ích kinh tế với đơn vị được kiểm toán;

b) Đơn vị được kiểm toán mà mình đã làm lãnh đạo, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán trong thời hạn ít nhất 05 năm kể từ khi chuyển công tác;

c) Có quan hệ là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với người đứng đầu, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán của đơn vị được kiểm toán.

2. Kiểm toán viên nhà nước đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị thu hồi thẻ Kiểm toán viên nhà nước.

3. Khi có các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Kiểm toán viên nhà nước có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trước khi trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán. Trong quá trình thực hiện kiểm toán nếu phát hiện các tình huống làm ảnh hưởng đến tính độc lập của mình, Kiểm toán viên phải báo cáo ngay Trưởng Đoàn kiểm toán để báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thay thế theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 9. Thay thế thành viên Đoàn kiểm toán

1. Thành viên Đoàn kiểm toán bị thay thế trong các trường hợp sau:

a) Thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy chế này và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

b) Đơn vị được kiểm toán đề nghị thay thế khi có bằng chứng cho thấy thành viên Đoàn kiểm toán đó không trung thực, khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ. Đối với trường hợp này, người có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh làm rõ;

c) Ngoài các trường hợp, tình huống quy định tại điểm a và điểm b khoản này, thành viên Đoàn kiểm toán còn bị thay thế trong các trường hợp: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn kiểm toán nghỉ làm việc liên tục từ 10 ngày trở lên; Tổ trưởng Tổ kiểm toán nghỉ làm việc liên tục từ 03 ngày trở lên; Kiểm toán viên và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc liên tục từ 05 ngày trở lên.

2. Thủ tục đề nghị thay thế thành viên Đoàn kiểm toán được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thay thế Phó Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước, các thành viên khác của Đoàn kiểm toán do Trưởng đoàn kiểm toán đề nghị Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định;

b) Trường hợp thay thế Trưởng đoàn kiểm toán do Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định.

Điều 10. Tạm đình chỉ nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán

1. Thành viên Đoàn kiểm toán bị tạm đình chỉ trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Cố tình che dấu các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

2. Thẩm quyền tạm đình chỉ

a) Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định tạm đình chỉ nhiệm vụ Trưởng Đoàn kiểm toán do Kiểm toán trưởng hoặc Vụ trưởng làm Trưởng đoàn.

b) Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc thanh tra, kiểm tra ký quyết định hoặc thừa lệnh Tổng Kiểm toán Nhà nước ký Quyết định tạm đình chỉ Trưởng Đoàn, Phó Trưởng đoàn, Tổ trưởng và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán và báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước.

c) Trưởng đoàn tạm đình chỉ nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán từ Phó Trưởng đoàn trở xuống và đề nghị Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán quyết định tạm đình chỉ.

d) Phó Trưởng đoàn tạm đình chỉ nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán từ Tổ trưởng trở xuống và đề nghị Trưởng đoàn báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán quyết định tạm đình chỉ.

đ) Tổ trưởng Tổ kiểm toán đề nghị Trưởng đoàn kiểm toán tạm đình chỉ nhiệm vụ đối với thành viên Tổ kiểm toán.

e) Trưởng các Đoàn thanh tra, kiểm tra do Tổng Kiểm toán Nhà nước thành lập tạm đình chỉ nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán và báo cáo Thủ trưởng các đơn vị chủ trì các cuộc thanh tra, kiểm tra thừa lệnh Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định tạm đình chỉ nhiệm vụ mọi thành viên Đoàn kiểm toán và báo cáo ngay Tổng Kiểm toán Nhà nước.

3. Ngay sau khi công bố tạm đình chỉ, người công bố phải báo cáo và trình ngay người có thẩm quyền ký Quyết định tạm đình chỉ. Quyết định tạm đình chỉ phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do, nội dung, thời gian tạm đình chỉ, đối tượng có trách nhiệm thực hiện.

4. Thời hạn tạm đình chỉ, tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) trong thời gian tạm đình chỉ thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Khi xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp tạm đình chỉ, người đã ra quyết định tạm đình chỉ phải ra quyết định hủy bỏ ngay biện pháp đó.

Điều 11. Thay đổi nội dung quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán

1. Thay đổi nội dung quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán

Khi cần thay đổi nội dung ghi trong quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán bằng văn bản để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định và chỉ thực hiện sau khi Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định bằng văn bản.

2. Thay đổi nội dung kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán

a) Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán ngay sau khi triển khai kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán và chỉ đạo các thành viên Tổ kiểm toán thực hiện nhiệm vụ đúng kế hoạch kiểm toán chi tiết được Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt. Thời gian hoàn thành kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán do Trưởng Đoàn kiểm toán quyết định phù hợp với tình hình, đặc điểm, nhiệm vụ kiểm toán được giao.

Khi cần thay đổi những nội dung trong kế hoạch kiểm toán chi tiết, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán bằng văn bản và chỉ thực hiện sau khi được Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt.

b) Chậm nhất 01 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm xem xét, phê duyệt. Trường hợp vì lý do khách quan Trưởng Đoàn kiểm toán không thể trực tiếp phê duyệt, Tổ trưởng Tổ kiểm toán báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán bằng các phương tiện thông tin và gửi ngay văn bản đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt.

c) Các trường hợp thay đổi, bổ sung kế hoạch kiểm toán chi tiết phải phù hợp với mục tiêu, nội dung kiểm toán, đơn vị được kiểm toán đã phê duyệt của Tổng Kiểm toán Nhà nước. Trưởng Đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán và phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán.

Điều 12. Kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán

1. Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán. Trưởng Đoàn kiểm toán và các thành viên trong Đoàn kiểm toán phải chịu sự kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, các đơn vị và cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm thực hiện và nội dung kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán thực hiện theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước về kiểm tra và soát xét chất lượng kiểm toán.

Điều 13. Niêm phong tài liệu, kiểm tra tài khoản

Việc niêm phong tài liệu, kiểm tra tài khoản của đơn vị được kiểm toán và cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại Quyết định số 02/2011/QĐ-KTNN ngày 29 tháng 7 tháng 2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy định niêm phong tài liệu, kiểm tra tài khoản của đơn vị được kiểm toán và cá nhân có liên quan trong hoạt động kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 14. Kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ

1. Khi tiến hành kiểm toán nếu phát hiện giữa sổ kế toán, chứng từ kế toán với thực tế có chênh lệch, bất hợp lý hoặc có dấu hiệu chiếm đoạt, chiếm dụng tài sản liên quan đến nội dung kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải kịp thời báo cáo và đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán để yêu cầu đơn vị được kiểm toán kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ.

2. Quá trình chứng kiến kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ phải có từ 02 thành viên của Tổ kiểm toán trở lên.

3. Việc kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ phải được lập thành biên bản ghi rõ danh mục, số liệu, số lượng kiểm kê, đối chiếu thực tế, thời gian, địa điểm tiến hành, tình trạng tài sản; biên bản phải có chữ ký của đại diện đơn vị được kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán chứng kiến việc kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ.

Điều 15. Trưng cầu giám định

1. Khi xét thấy cần có đánh giá về chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận, Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán để Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định phải bằng văn bản ghi rõ yêu cầu, nội dung, thời gian thực hiện, cơ quan, tổ chức giám định.

2. Cơ quan, tổ chức tiến hành giám định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan của kết quả giám định.

3. Trình tự, thủ tục và nội dung trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định về trưng cầu giám định chuyên môn do Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành.

Điều 16. Xác minh, điều tra, đối chiếu số liệu

1. Khi cần xác minh, điều tra, đối chiếu số liệu với cá nhân và các tổ chức bên ngoài đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán bằng văn bản và chỉ thực hiện sau khi Trưởng đoàn phê duyệt. Văn bản

đề nghị phải ghi rõ tên cá nhân, tổ chức và nội dung cần xác minh, điều tra, đối chiếu, phương pháp tiến hành, thời gian thực hiện.

2. Việc tiến hành xác minh, điều tra, đối chiếu thuộc phạm vi kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán có sự tham gia chứng kiến của đại diện đơn vị được kiểm toán và phải có từ 02 thành viên của Tổ kiểm toán trở lên thực hiện. Kết thúc công việc, người thực hiện phải báo cáo ngay Tổ trưởng Tổ kiểm toán, trường hợp cần thiết phải báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán.

3. Trường hợp cần xác minh, điều tra, đối chiếu ngoài phạm vi của Kế hoạch kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán. Trưởng Đoàn kiểm toán phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán để Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định.

Điều 17. Trách nhiệm lập Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán

1. Tổ trưởng Tổ kiểm toán chủ trì tổng hợp kết quả kiểm toán của các thành viên Tổ kiểm toán ngay trong quá trình kiểm toán để lập Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán.

2. Chậm nhất 03 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm toán theo kế hoạch, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải hoàn thành dự thảo Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán, họp Tổ kiểm toán để thảo luận và thống nhất về đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong dự thảo Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán. Trước khi lấy ý kiến đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo kết quả kiểm toán với Trưởng Đoàn kiểm toán. Sau khi Trưởng Đoàn kiểm toán thông qua dự thảo Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải tổ chức cuộc họp với đơn vị được kiểm toán để thông báo kết quả kiểm toán.

3. Chậm nhất 02 ngày từ khi thông báo kết quả kiểm toán với đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải gửi Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán cho Trưởng Đoàn kiểm toán. Tổ trưởng Tổ kiểm toán kiểm tra, thu thập, củng cố hồ sơ, tài liệu làm căn cứ cho kết luận của Đoàn kiểm toán.

Điều 18. Trách nhiệm lập Báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán

1. Trưởng Đoàn kiểm toán chủ trì lập Báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán ghi rõ các ý kiến đánh giá, xác nhận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán.

2. Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm lấy ý kiến các thành viên Đoàn kiểm toán về dự thảo Báo cáo kiểm toán. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày Đoàn kiểm toán kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán phải hoàn thành dự thảo Báo cáo kiểm toán gửi Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán; trường hợp có ý kiến bảo lưu của thành viên Đoàn kiểm toán hoặc có ý kiến khác nhau giữa Trưởng Đoàn kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán thì phải ghi rõ. Trưởng Đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của các ý kiến đánh giá, xác nhận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán.

3. Trường hợp cần làm rõ thêm một số nội dung phục vụ việc lập Báo cáo kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có quyền yêu cầu Tổ trưởng Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán báo cáo, yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình, làm rõ.

4. Trong quá trình xét duyệt Báo cáo kiểm toán, Tổng Kiểm toán Nhà nước có quyền yêu cầu Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán báo cáo, yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình, làm rõ những vấn đề cần thiết.

Điều 19. Trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ kiểm toán

1. Tài liệu của mỗi cuộc kiểm toán phải được lập thành hồ sơ kiểm toán.

2. Trưởng Đoàn kiểm toán chủ trì lập hồ sơ kiểm toán và bàn giao hồ sơ kiểm toán cho bộ phận lưu trữ của đơn vị theo quy định. Khi giao nhận phải lập bảng kê danh mục tài liệu và ký nhận bảo đảm an toàn tài liệu.

3. Việc lập, quản lý và khai thác hồ sơ kiểm toán được thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Chương III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TOÁN VÀ CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn kiểm toán

1. Nhiệm vụ:

a) Người được dự kiến làm Trưởng đoàn kiểm toán chủ trì khảo sát, xây dựng, trình Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán trên cơ sở mục tiêu, nội dung kiểm toán chủ yếu hàng năm của Kiểm toán Nhà nước;

b) Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết của các Tổ kiểm toán;

c) Phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán; chỉ đạo, điều hành Đoàn kiểm toán thực hiện kiểm toán theo Kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;

d) Tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước, chuẩn mực kiểm toán, quy trình, phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán, ghi chép và lưu trữ, bảo quản hồ sơ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Duyệt Báo cáo kiểm toán và Biên bản kiểm toán của các Tổ kiểm toán và chủ trì lập Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán. Tổ chức thảo luận trong Đoàn kiểm toán để thống nhất ý kiến về những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán;

e) Bảo vệ kết quả kiểm toán ghi trong Báo cáo kiểm toán trước Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và cùng Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán bảo vệ kết quả đó trước Tổng Kiểm toán Nhà nước; tổ chức thông báo kết quả kiểm toán đã được Tổng Kiểm toán Nhà nước thông qua với đơn vị được kiểm toán; ký Báo cáo kiểm toán;

g) Quản lý các thành viên Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

h) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả hoạt động kiểm toán để Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước;

i) Chấp hành kỷ luật công tác của Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán liên quan đến nội dung kiểm toán; triệu tập người làm chứng theo đề nghị của Kiểm toán viên nhà nước;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định kiểm tra tài khoản của đơn vị được kiểm toán hoặc cá nhân có liên quan tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác hoặc Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật; kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước niêm phong tài liệu của đơn vị được kiểm toán khi có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có hành vi sửa đổi, chuyển dời, cất giấu, hủy hoại tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán;

d) Yêu cầu Phó Trưởng đoàn, Tổ trưởng và các thành viên Đoàn kiểm toán báo cáo kết quả kiểm toán; khi có ý kiến khác nhau trong Đoàn kiểm toán về kết quả kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán các ý kiến khác nhau;

đ) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán;

e) Đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật của đơn vị được kiểm toán;

g) Tạm đình chỉ và đề nghị quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này;

h) Đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với Phó trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác trong Đoàn kiểm toán khi có thành tích đột xuất hoặc có sai phạm trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

i) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành kiểm toán có hiệu quả;

k) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Tổng Kiểm toán Nhà nước và trước pháp luật về hoạt động của Đoàn kiểm toán;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán;

c) Chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu của mình trước Tổng Kiểm toán Nhà nước;

d) Chịu trách nhiệm liên đới về những hành vi vi phạm của các thành viên trong Đoàn kiểm toán;

đ) Bảo đảm điều kiện sinh hoạt và làm việc của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

e) Bí mật về hồ sơ, tài liệu và kết quả kiểm toán khi chưa được công bố chính thức;

g) Chịu trách nhiệm về việc đề nghị tạm đình chỉ thành viên Đoàn kiểm toán;

h) Ghi nhật ký công tác và các tài liệu làm việc khác theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

i) Khi thực hiện nhiệm vụ, phải xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

k) Thường xuyên học tập và rèn luyện để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước, bảo đảm có đủ năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao;

l) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Tổng Kiểm toán Nhà nước khi có trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các tình huống khác ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

m) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Phó Trưởng đoàn kiểm toán

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại điểm i khoản 1, điểm g, i, k khoản 2, điểm e, h, i, k, l, m khoản 3 Điều 20 của Quy chế này.

2. Giúp việc Trưởng đoàn kiểm toán, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn kiểm toán về nhiệm vụ được phân công.

3. Trường hợp kiêm nhiệm Tổ trưởng tổ kiểm toán, ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết trình Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết sau khi đã được phê duyệt;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Tổ kiểm toán;

c) Chỉ đạo, điều hành các thành viên Tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc thu nhập bằng chứng kiểm toán; ghi chép nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc của Tổ kiểm toán và Kiểm toán viên theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng đoàn kiểm toán về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả kiểm toán;

e) Chỉ đạo tổng hợp kết quả kiểm toán của các thành viên Tổ kiểm toán để lập Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán; tổ chức thảo luận trong Tổ kiểm toán để thống nhất về những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán;

g) Bảo vệ kết quả kiểm toán ghi trong Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán trước Trưởng đoàn kiểm toán; tổ chức thông báo kết quả kiểm toán được Trưởng đoàn thông qua với đơn vị được kiểm toán; ký Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán;

h) Chỉ đạo các thành viên Tổ kiểm toán hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán và chịu trách nhiệm về việc nộp hồ sơ của Tổ kiểm toán cho Đoàn kiểm toán để nộp lưu trữ theo quy định;

i) Thừa ủy quyền Trưởng đoàn kiểm toán quản lý các thành viên Tổ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

k) Kiểm tra, hướng dẫn Kiểm toán viên dự bị và thành viên khác thực hiện nhiệm vụ được giao;

l) Chấp hành kỷ luật công tác của Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán;

d) Báo cáo và kiến nghị biện pháp xử lý những thành viên Tổ kiểm toán có sai phạm để Trưởng đoàn kiểm toán xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định;

đ) Sử dụng thông tin, tài liệu của cộng tác viên kiểm toán; xem xét tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm toán; thu thập, bảo vệ tài liệu và bằng chứng khác; quan sát quy trình hoạt động của đơn vị được kiểm toán;

e) Yêu cầu Trưởng đoàn kiểm toán làm rõ lý do thay đổi những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán, Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán;

g) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành kiểm toán có hiệu quả; được đơn vị kiểm toán bố trí địa điểm làm việc trong trường hợp việc kiểm toán thực hiện tại đơn vị được kiểm toán;

h) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

g) Đề nghị Trưởng đoàn tạm đình chỉ nhiệm vụ thành viên Tổ kiểm toán theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

3. Trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Tổng Kiểm toán Nhà nước và trước pháp luật về hoạt động của Tổ kiểm toán;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán;

c) Chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu của mình, kết quả kiểm toán của Kiểm toán viên dự bị và thành viên khác do Tổ trưởng trực tiếp hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ được giao trước Tổng Kiểm toán Nhà nước, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán;

d) Chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan đến công tác của Tổ kiểm toán theo yêu cầu của Trưởng đoàn kiểm toán hoặc đơn vị, cá nhân có thẩm quyền;

đ) Bí mật về tình hình và kết quả kiểm toán khi chưa được công bố chính thức;

e) Chịu trách nhiệm về việc đề nghị tạm đình chỉ thành viên Tổ kiểm toán; chịu trách nhiệm liên đới về hành vi vi phạm của các thành viên Tổ kiểm toán;

g) Thu thập bằng chứng kiểm toán, ghi nhật ký và các tài liệu làm việc khác theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

h) Khi thực hiện nhiệm vụ, phải xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

i) Thường xuyên học tập và rèn luyện để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước, bảo đảm có đủ năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao;

k) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Tổng Kiểm toán Nhà nước khi có trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

l) Khi có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm toán viên nhà nước

1. Nhiệm vụ:

a) Hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công với Tổ trưởng Tổ kiểm toán;

b) Khi tiến hành kiểm toán chỉ tuân theo pháp luật và những quy định hiện hành về kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, tuân thủ nguyên tắc, chuẩn mực, quy trình và các quy định khác về kiểm toán của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

c) Thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán; ghi nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc khác của Kiểm toán viên nhà nước, lưu giữ, bảo quản hồ sơ kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

d) Kiểm tra, hướng dẫn Kiểm toán viên dự bị và thành viên khác thực hiện nhiệm vụ được giao khi được phân công;

đ) Tham gia lập kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán và tổng hợp kết quả kiểm toán để lập Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán; tham gia hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán của Tổ kiểm toán để lưu trữ theo quy định;

e) Chấp hành ý kiến chỉ đạo và kết luận của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán;

g) Chấp hành kỷ luật công tác của Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn:

a) Khi thực hiện kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong việc nhận xét, đánh giá và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;

b) Thông qua Tổ trưởng yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Sử dụng thông tin, tài liệu của cộng tác viên kiểm toán; xem xét tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm toán; thu thập, bảo vệ tài liệu và bằng chứng khác; quan sát quy trình hoạt động của đơn vị được kiểm toán;

d) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công; báo cáo Trưởng đoàn kiểm toán hoặc Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán xem xét, nếu không thống nhất thì báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Yêu cầu Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán làm rõ lý do thay đổi những đánh giá, xác nhận và kiến nghị của mình trong Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán, Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán;

e) Báo cáo Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán đề nghị đơn vị được kiểm toán: Triệu tập người làm chứng để thu thập bằng chứng khi cần thiết; họp đơn vị và giải trình về những vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm toán; đề nghị mời chuyên gia, cộng tác viên kiểm toán khi cần thiết;

g) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành kiểm toán có hiệu quả, được đơn vị kiểm toán bố trí địa điểm làm việc trong trường hợp hoạt động kiểm toán được thực hiện tại đơn vị được kiểm toán;

h) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công; đưa ra ý kiến đánh giá, xác nhận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán trên cơ sở thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp;

b) Chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng, Trưởng đoàn, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Tổng Kiểm toán Nhà nước và trước pháp luật về những bằng chứng, đánh giá, xác nhận và kiến nghị của mình;

c) Chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu của mình trước Tổng Kiểm toán Nhà nước, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán và Tổ trưởng Tổ kiểm toán; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán của Kiểm toán viên dự bị và thành viên khác được giao nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn;

d) Thu thập bằng chứng kiểm toán, ghi nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc khác của Kiểm toán viên nhà nước theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm toán;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước phải xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

g) Thường xuyên học tập và rèn luyện để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước, bảo đảm có đủ năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao;

h) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Tổng Kiểm toán nhà nước khi có trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

i) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm toán viên dự bị

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 23 của Quy chế này;

b) Tổng hợp kết quả kiểm toán, đưa ra các ý kiến nhận xét, đánh giá và kiến nghị theo từng nội dung được phân công kiểm toán và báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên được phân công hướng dẫn để xem xét, tổng hợp. Tổ trưởng Tổ kiểm toán hoặc Kiểm toán viên được phân công hướng dẫn chịu trách nhiệm về những đánh giá, nhận xét và kiến nghị của Kiểm toán viên dự bị.

2. Quyền hạn:

a) Thực hiện các quyền hạn quy định tại các điểm c, g, h khoản 2 Điều 23 của Quy chế này;

b) Thông qua Kiểm toán viên được phân công hướng dẫn đề nghị Tổ trưởng Tổ kiểm toán yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán.

3. Trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i khoản 3 Điều 23 của Quy chế này;

b) Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công; báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán và Kiểm toán viên được phân công hướng dẫn các ý kiến đánh giá, xác nhận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán trên cơ sở thu thập đầy đủ và đánh giá các bằng chứng kiểm toán thích hợp;

c) Chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán và Kiểm toán viên được phân công hướng dẫn về nhiệm vụ được giao;

d) Giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán được phân công theo yêu cầu của Kiểm toán viên được phân công hướng dẫn, Tổ trưởng, Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên khác

1. Cộng tác viên kiểm toán

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng;

b) Hoàn thành nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ kiểm toán;

c) Tuân thủ chuẩn mực, quy trình và phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và Quy chế này;

d) Ghi nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc khác theo quy định của Kiểm toán Nhà nước;

đ) Chịu trách nhiệm trước Kiểm toán Nhà nước và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ; khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các quy định khác về cộng tác viên quy định tại Quyết định số 161/QĐ-KTNN ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về Quy chế sử dụng cộng tác viên kiểm toán.

2. Các thành viên khác của Đoàn kiểm toán có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như Kiểm toán viên dự bị quy định tại Điều 24 Quy chế này.

Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trong tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán

1. Trình Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quyết định kiểm toán.

Để giúp Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quyết định kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung kiểm toán, đơn vị được kiểm toán; dự kiến thời hạn tiến hành kiểm toán; lựa chọn và đề xuất Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng tổ kiểm toán, bố trí thành viên Đoàn kiểm toán và chuẩn bị các điều kiện khác phục vụ cuộc kiểm toán.

2. Thông qua Kế hoạch kiểm toán của Đoàn kiểm toán để trình Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của Đoàn kiểm toán; chỉ đạo Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng tổ kiểm toán kiểm tra, giám sát hoạt động của Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và các thành viên Đoàn kiểm toán; yêu cầu Trưởng đoàn kiểm toán báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả hoạt động kiểm toán.

4. Tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

5. Chỉ đạo, tổ chức hoạt động thẩm định Báo cáo kiểm toán theo quy định.

6. Thông qua Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán trước khi trình Tổng Kiểm toán Nhà nước; báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước bằng văn bản cùng hồ sơ trình xét duyệt Báo cáo kiểm toán.

7. Chịu trách nhiệm chỉ đạo việc xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán của đơn vị chủ trì.

8. Chịu trách nhiệm về việc đề nghị tạm đình chỉ thành viên Đoàn kiểm toán.

9. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định.

Điều 27. Trách nhiệm của các đơn vị tham mưu trong tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán

1. Vụ Tổng hợp có trách nhiệm đôn đốc việc lập, xét duyệt và hoàn thiện Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đúng quy định; thực hiện thẩm định dự thảo

Báo cáo kiểm toán; tổ chức giải quyết khiếu nại, kiến nghị về đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Kiểm toán Nhà nước về ý kiến tham mưu của mình.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định tính pháp lý của dự thảo Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán; tham mưu cho lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước trong việc kiến nghị xử lý những hành vi vi phạm pháp luật đã được làm rõ thông qua kết quả kiểm toán; tổ chức thực hiện công tác thanh tra; tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi của thành viên đoàn kiểm toán theo quy định; chịu trách nhiệm trước Tổng Kiểm toán Nhà nước về ý kiến tham mưu của mình.

3. Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán có trách nhiệm tham mưu giúp Tổng Kiểm toán Nhà nước kiểm soát chất lượng các cuộc kiểm toán và chịu trách nhiệm về kết quả trong Báo cáo kiểm soát của mình.

4. Văn phòng Kiểm toán Nhà nước thực hiện nhiệm vụ thư ký, giúp việc cho Tổng Kiểm toán Nhà nước; thực hiện công tác hành chính trong việc phát hành Quyết định kiểm toán; tham gia xét duyệt, thông qua và phát hành Báo cáo kiểm toán của các Đoàn kiểm toán; tạo điều kiện về kinh phí, điều kiện vật chất khác cho hoạt động của Đoàn kiểm toán theo quy định.

Chương IV
QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

Điều 28. Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Đoàn kiểm toán

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán phải tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán. Thành viên Đoàn kiểm toán chịu sự kiểm tra, giám sát của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 29. Chế độ báo cáo

1. Kiểm toán viên nhà nước và các thành viên khác của Tổ kiểm toán phải thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Tổ trưởng Tổ kiểm toán. Kiểm toán viên nhà nước nghỉ làm việc từ 02 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng đoàn kiểm toán.

2. Tổ trưởng tổ kiểm toán định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan đến Tổ kiểm toán với Trưởng đoàn

kiểm toán. Khi Tổ trưởng tổ kiểm toán nghỉ làm việc từ 01 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng đoàn kiểm toán.

3. Phó Trưởng đoàn kiểm toán nghỉ làm việc từ 01 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng đoàn kiểm toán.

4. Trưởng đoàn kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả hoạt động kiểm toán của Đoàn kiểm toán để Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán. Trường hợp cần thiết phải báo cáo trực tiếp Tổng Kiểm toán Nhà nước, đồng thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán.

Trưởng đoàn kiểm toán nghỉ làm việc từ 02 ngày trở lên phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đồng thời ủy quyền cho 01 Phó Trưởng đoàn quản lý và điều hành hoạt động của Đoàn kiểm toán.

5. Khi phát hiện sai phạm trong Đoàn kiểm toán, thành viên đoàn kiểm toán có trách nhiệm báo cáo cấp trên trực tiếp của thành viên đó, trường hợp cấp trên trực tiếp vi phạm thì báo cáo với cấp trên trực tiếp của cấp trên đó.

6. Chế độ báo cáo định kỳ do Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán quy định.

7. Chậm nhất 01 ngày sau khi Kế hoạch kiểm toán chi tiết được phê duyệt, Tổ trưởng tổ kiểm toán có trách nhiệm gửi về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Vụ Pháp chế và Vụ Tổng hợp.

Điều 30. Trình tự xử lý các dấu hiệu hoặc hành vi vi phạm của đơn vị được kiểm toán

Khi phát hiện những dấu hiệu hoặc hành vi vi phạm của đơn vị được kiểm toán, trình tự xử lý được thực hiện như sau:

1. Báo cáo với Tổ trưởng tổ kiểm toán để cùng xem xét;

2. Yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình. Việc nghe giải trình phải có từ 02 thành viên tổ kiểm toán trở lên và phải được ghi thành biên bản. Kết quả giải trình phải phản ánh trung thực, đầy đủ, kịp thời với Tổ trưởng tổ kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán;

3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc cản trở hoạt động kiểm toán, Tổ trưởng tổ kiểm toán phải báo cáo ngay với Trưởng đoàn kiểm toán để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán giải quyết theo quy định. Nếu hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội

phạm, Trưởng đoàn kiểm toán phải kịp thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra và các cơ quan khác của Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xử lý những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân đã được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán.

Điều 31. Bảo lưu ý kiến

1. Kiểm toán viên nhà nước bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công trước Tổ trưởng tổ kiểm toán trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày thông qua dự thảo Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Tổ kiểm toán tại Tổ kiểm toán.

2. Tổ trưởng tổ kiểm toán bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với những đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Biên bản kiểm toán trước Trưởng đoàn kiểm toán trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thông qua dự thảo Báo cáo kiểm toán tại Đoàn kiểm toán.

3. Trưởng Đoàn kiểm toán bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với đánh giá, xác nhận và kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán trước Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán thông qua dự thảo Báo cáo kiểm toán hoặc gửi đến Tổng Kiểm toán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày Tổng Kiểm toán Nhà nước thông qua dự thảo Báo cáo kiểm toán.

4. Việc bảo lưu ý kiến phải được lập thành văn bản ghi rõ nội dung ý kiến bảo lưu; cơ sở pháp lý và các bằng chứng làm cơ sở chứng minh cho ý kiến bảo lưu của mình; văn bản bảo lưu ý kiến phải ghi rõ ngày, tháng, năm và phải có chữ ký của người bảo lưu ý kiến.

5. Việc xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ trưởng tổ kiểm toán có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến của Kiểm toán viên nhà nước.

Trường hợp không thống nhất với việc giải quyết của Tổ trưởng tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước báo cáo Trưởng đoàn kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán hoặc Tổng Kiểm toán Nhà nước để giải quyết theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 5 Điều này;

b) Trưởng đoàn kiểm toán có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Tổ trưởng tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến;

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Trưởng đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến;

d) Tổng Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm xem xét giải quyết ý kiến bảo lưu của Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến. Ý kiến giải quyết của Tổng Kiểm toán Nhà nước là ý kiến cuối cùng.

6. Văn bản bảo lưu ý kiến và văn bản giải quyết của người có thẩm quyền được lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán.

7. Trong khi chờ giải quyết ý kiến bảo lưu, người bảo lưu ý kiến vẫn phải chấp hành ý kiến chỉ đạo và kết luận của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.

Điều 32. Xử lý ý kiến giải trình của đơn vị được kiểm toán

Khi thảo luận với đơn vị được kiểm toán về kết quả kiểm toán nếu có ý kiến bất đồng, Trưởng đoàn kiểm toán giữ nguyên ý kiến của mình và báo cáo với Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán Nhà nước về ý kiến bất đồng đó kèm theo văn bản giải trình của đơn vị được kiểm toán và ý kiến của Đoàn kiểm toán để xem xét, kết luận.

Điều 33. Trường hợp hai Đoàn kiểm toán cùng triển khai kiểm toán tại một đơn vị được kiểm toán

1. Trường hợp hai Đoàn kiểm toán cùng triển khai kiểm toán tại một đơn vị được kiểm toán, hai Trưởng đoàn phải thống nhất phương pháp phối hợp thực hiện kiểm toán tại đơn vị. Nếu không khắc phục được, các Trưởng đoàn báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định. Việc trao đổi thông tin hoặc sử dụng lại thông tin giữa các Đoàn kiểm toán phải trên nguyên tắc đề cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trường hợp kiểm toán lồng ghép nhiều mục tiêu, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Tổng hợp tham mưu cho Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định.

Điều 34. Chế độ ăn, ở, đi lại

1. Việc ăn, ở, đi lại của Đoàn kiểm toán phải thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước và quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Trưởng đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện sinh hoạt và làm việc của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Văn phòng Kiểm toán Nhà nước hoặc Văn phòng của các Kiểm toán Nhà nước khu vực đảm bảo kinh phí, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước để Đoàn kiểm toán hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Chế độ họp, giao ban

1. Trưởng đoàn kiểm toán phải tổ chức họp Đoàn kiểm toán quán triệt Quyết định kiểm toán, Kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán để thành viên Đoàn kiểm toán nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời hạn và phương pháp tiến hành kiểm toán; quán triệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến nội dung kiểm toán và đơn vị được kiểm toán. Kết thúc kiểm toán phải họp tổng kết công tác kiểm toán. Ngoài ra, trong quá trình triển khai kiểm toán tại đơn vị, tùy theo tình hình cụ thể, Trưởng đoàn kiểm toán hoặc Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có thể triệu tập họp Đoàn kiểm toán khi xét thấy cần thiết.

2. Trưởng đoàn kiểm toán tổ chức họp giao ban với các Tổ trưởng tổ kiểm toán khi cần thiết; nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản và lưu trữ theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 36. Bảo đảm hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng tổ kiểm toán có trách nhiệm tạo điều kiện để tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên sinh hoạt theo Điều lệ và kế hoạch của các tổ chức đó.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và các thành viên Đoàn kiểm toán có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm toán được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và Quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Kiểm toán Nhà nước. Cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất trong công tác kiểm toán được xét và đề nghị khen thưởng sau khi có thành tích đột xuất.

2. Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán và các thành viên Đoàn kiểm toán có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Quy chế này, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn kiểm toán, các thành viên của Đoàn kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh mới hoặc có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Vụ Pháp chế để tổng hợp báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Vụ Pháp chế chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và định kỳ tổng hợp, báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đinh Tiến Dũng